

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/DS-ST

Ngày: 18 - 7 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tư

Ông Nguyễn Tùng Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thủy Tiên - Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở chính: số A, đường N, phường T, tỉnh Nghệ An (trước đây là số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An). Người đại diện theo pháp luật: ông Somyot N, sinh năm 1966, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị; ông Kanokwatpaisal N1, sinh năm 1972, chức danh: Giám đốc; ông Teeravikavee K, sinh năm 1977, chức danh: Giám đốc. Các ông Somyot N, Teeravikavee K thỏa thuận ông Kanokwatpaisal N1 là người đại diện Công ty Cổ phần S ký đơn khởi kiện (Văn bản thỏa thuận ngày 28/3/2024)

Ông Kanokwatpalsal N2 ủy quyền ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1995 (theo văn bản ủy quyền số 268/2024/UQ-SVN ngày 01/6/2024). Địa chỉ nơi làm việc của ông V: số E, đường P1, phường P2, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là số E, đường P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long) (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Mai Quốc C, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số H1, đường H2, phường L, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là số H1, đường H2, phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2024 và quá trình giải quyết vụ án, Công ty Cổ phần S (Công ty S) trình bày như sau:

Ngày 15/12/2020, Công ty TNHH S1 (Công ty S1) và anh Mai Quốc C ký kết Hợp đồng cầm cố số VLM201201026NA18X với nội dung anh C cầm Công ty S1 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade 110cc, biển số kiểm soát 64B2-093.xx, số khung 3658GY130xxx, số máy JA36E0639xxx và Giấy chứng nhận đăng ký số 1183xx do Công an tỉnh V cấp ngày 10/9/2018 do anh Mai Quốc C đứng tên để nhận số tiền cầm cố 9.900.000 đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng, lãi suất trong hạn 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn.

Ngoài ra, cùng ngày 15/12/2020, Công ty S1 và anh C còn xác lập với nhau Giấy mượn xe với nội dung Công ty S1 cho anh C mượn lại chiếc xe mô tô biển số 64B2-093.xx trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 15/12/2020 đến ngày 15/01/2021. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh C thanh toán số tiền nợ gốc 4.218.537 đồng, tiền lãi 544.158 đồng, tiền phí 2.071.305 đồng và sau đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi đối với Công ty S1.

Ngày 26/9/2023, Công ty TNHH S1 thực hiện thủ tục chuyển đổi thành Công ty Cổ phần S theo Quyết định số 103/QĐ.HĐQT ngày 26/9/2023; đăng ký doanh nghiệp và ban hành Điều lệ vào ngày 27/3/2024.

Ngày 15/4/2025, Công ty S thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn khi mượn xe số tiền 9.723.289 đồng; rút lại yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên xử lý tài sản chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade 110cc, biển số kiểm soát 64B2-093.xx, số khung 3658GY130xxx, số máy JA36E0639xxx theo Giấy chứng nhận đăng ký số 1183xx do Công an tỉnh V cấp ngày 10/9/2018 anh Mai Quốc C đứng tên.

Công ty S yêu cầu anh Mai Quốc C trả nguyên đơn số tiền 10.118.686 đồng, trong đó: tiền gốc 5.681.463 đồng, tiền lãi tính đến ngày 05/5/2025 gồm tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tổng cộng 4.437.223 đồng.

Đối với bị đơn Mai Quốc C: Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không nhận văn bản trình bày ý kiến anh C gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do anh C vắng mặt hai lần, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện hợp pháp của Công ty S có văn bản trình bày ý kiến về việc đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh C trả nguyên đơn tiền nợ gốc 5.681.463 đồng, tiền lãi tính đến ngày 18/7/2025 gồm tiền lãi trong hạn 379.143 đồng, tiền lãi quá hạn 4.093.494 đồng, tổng cộng: 10.154.100 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi anh C trả hết nợ. Công ty S đồng ý trả lại anh C bản chính 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 64B2-093.xx do Công an tỉnh V cấp ngày 10/9/2018 anh Mai Quốc C đứng tên khi tất toán nợ.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ dự phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực I-Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 192, 217, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 303, 309, 310, 311, 313, 314, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty S. Buộc anh Mai Quốc C trả Công ty S tiền vốn, lãi tổng cộng 10.154.100 đồng. Buộc Công ty Tiền Có Ngay trả anh Mai Quốc C bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang biển số kiểm soát 64B2-093.xx. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính phí quản lý hồ sơ, tính phí bảo dưỡng, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và chuyển hồ sơ qua cơ quan cảnh sát điều tra để xử lý. Buộc anh Mai Quốc C nộp số tiền 507.705 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty S khởi kiện anh C tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản vì cho rằng có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm là có quyền khởi kiện. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường L, tỉnh Vĩnh Long nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long. Nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Quá trình tiến hành tố tụng, Công ty S rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu anh Mai Quốc C thanh toán số tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn khi mượn xe 9.723.289 đồng; yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên xử lý chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, biển số kiểm soát 64B2-093.xx theo Giấy chứng nhận đăng ký số 1183xx do Công an tỉnh V cấp ngày 10/9/2018 anh Mai Quốc C đứng tên. Hội đồng xét xử nhận thấy, vụ án không có yêu cầu phản tố, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đã rút như trên của nguyên đơn.

Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 186, 217, 227, 228, 238, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty S yêu cầu anh Mai Quốc C trả số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 18/7/2025 là 10.154.100 đồng, trong đó tiền nợ gốc 5.681.463 đồng, tiền lãi trong hạn 379.143 đồng, tiền lãi quá hạn 4.093.494 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, vào ngày 15/12/2020, anh Mai Quốc C đã ký kết với Công ty S một Hợp đồng cầm cố số VLM201201026NA18X với nội dung: Anh C cầm cố Công ty S 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, biển số kiểm soát 64B2-093.xx, số khung 3658GY130xxx, số máy JA36E0639xxx. Công ty S giữ bản chính 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 1183xx do Công an tỉnh V cấp ngày 10/9/2018 anh Mai Quốc C đứng tên, để nhận số tiền cầm cố 9.900.000 đồng; thời hạn cầm 12 tháng; lãi suất trong hạn 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ được thỏa thuận tại Điều 4, Điều 6 của hợp đồng. Tính đến ngày 18/7/2025, anh C còn nợ Công ty S số tiền gốc 5.681.463 đồng. Căn cứ vào Điều 311, Điều 314 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn.

Đối với tiền lãi: Đến ngày 18/7/2025, bị đơn nợ nguyên đơn tiền lãi trong hạn 379.143 đồng, tiền lãi quá hạn 4.093.494 đồng. Căn cứ vào nội dung thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng cầm cố tài sản thì thỏa thuận về tiền lãi giữa các bên phù hợp quy định tại các Điều 311, 314, 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của nguyên đơn.

[3] Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, biển số kiểm soát 64B2-093.xx do anh C đã quản lý, sử dụng theo Giấy mượn xe ngày 15/12/2020 và nguyên đơn không yêu cầu xử lý xe nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về xe mô tô trên. Buộc Công ty S trả lại anh C bản chính 01 Giấy chứng nhận đăng ký số 1183xx do Công an tỉnh V cấp ngày 10/9/2018 anh Mai Quốc C đứng tên.

[4] Về án phí: Buộc anh Mai Quốc C nộp số tiền 508.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 309, 311, 314, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S đối với yêu cầu anh Mai Quốc C thanh toán số tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn khi mượn xe 9.723.289 đồng (chín triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn hai trăm tám mươi

chín đồng); yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên xử lý tài sản chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, biển số kiểm soát 64B2-093.xx, số khung 3658GY130xxx, số máy JA36E0639xxx theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 1183xx do Công an tỉnh V cấp ngày 10/9/2018 anh Mai Quốc C đứng tên.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S.

Buộc anh Mai Quốc C trả Công ty Cổ phần S số tiền nợ gốc 5.681.463 đồng (năm triệu sáu trăm tám mươi một ngàn bốn trăm sáu mươi ba đồng), tiền lãi trong hạn 379.143 đồng (ba trăm bảy mươi chín ngàn một trăm bốn mươi ba đồng), tiền lãi quá hạn 4.093.494 đồng (bốn triệu không trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm chín mươi bốn đồng), tổng cộng: 10.154.100 đồng (mười triệu một trăm năm mươi bốn ngàn một trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc Công ty Cổ phần S trả anh Mai Quốc C bản chính một Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 1183xx đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, biển số kiểm soát 64B2-093.xx, số khung 3658GY130xxx, số máy JA36E0639xxx do Công an tỉnh V cấp ngày 10/9/2018 anh Mai Quốc C đứng tên.

3. Buộc anh Mai Quốc C nộp số tiền 508.700 đồng (năm trăm lẻ tám ngàn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 485.000 đồng (bốn trăm tám mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N₀ 0007764 ngày 14/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Vĩnh Long).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Thi hành án dân sự: 1;
- Đường sự: 2;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân

